

Số: 55 /QĐ-THVN

Quận Lê Chân, ngày 18 tháng 7 Năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022, dự toán ngân năm 2023
và các khoản thu năm học 2022-2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC VĨNH NIỆM

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của Ủy ban nhân dân quận về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023;

Căn cứ Thông báo số 28/TBB-TCKH ngày 10/01/2023 về việc giao dự toán năm 2023;

Theo đề nghị của bà Nguyễn Thị Minh Tâm (Kế toán phụ trách phân kế toán).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022, dự toán ngân sách năm 2023 và các khoản thu của trường Tiểu học Vĩnh Niệm (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) tổ trưởng Văn phòng, Bà Nguyễn Thị Minh Tâm (Kế toán phụ trách phân kế toán), các Ông bà (phòng/tổ/bộ phận) có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu VT, KT.



HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Thị Thanh Vân

DỰ TOÁN THU - CHI NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 55./QĐ-THTHĐ ngày 18/1/2023. của Trường tiểu học Vĩnh Niệm)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán
1	2	3
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Học phí (nếu có)	
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
1.2	Mức thu....	
1.3	Tổng số thu trong năm	
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	
1.6	Số chi trong năm	
	Trong đó:- Bổ sung chi lương	
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	- Chi khác:...	
1.7	Số dư cuối năm	
1.8	với GDPT)	
2	(Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
2.1	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
2.1.2	Mức thu....	
2.1.3	Tổng số thu trong năm	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	
2.1.6	Số chi trong năm	
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Cho công tác quản lý, chi đạo	
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác:...	
2.1.7	Số dư cuối năm	
	
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: Chi tiết theo từng công trình, dự án)	
3.1	...	
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
3.1.2	Tổng số thu trong năm	
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	
3.1.5	Số chi trong năm	
	Trong đó: -	
	-	
	-	
3.1.6	Số dư cuối năm	

	
4	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú... (Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
4.1	Chăm nuôi bán trú	
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	21 289 186
4.1.2	Mức thu....	150.000d/tháng
4.1.3	Tổng số thu trong năm	844 385 099
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	865 674 285
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	865 674 285
4.1.6	Số chi trong năm	863 845 701
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	843 975 000
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	19 830 701
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác:...	40 000
4.1.7	Số dư cuối năm	1 828 584
4.2	Quản lý học sinh ngoài giờ	
4.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	30 332 446
4.2.2	Mức thu....	10.000 đồng/HS/giờ
4.2.3	Tổng số thu trong năm	938 099 331
4.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	968 431 777
4.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	965 217 784
4.2.6	Số chi trong năm	920 796 436
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	841 977 000
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất, phúc lợi	78 819 436
	- Chi khác:...	
4.2.7	Số dư cuối năm	47 635 341
4.3	Cơ sở vật chất bán trú	
4.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	
4.3.2	Mức thu....	Đối với HS mới tuyển, trang bị lần đầu 360.000 đồng/HS/năm, các năm tiếp theo 200.000 đồng/HS/năm
4.3.3	Tổng số thu trong năm	171 800 000
4.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	171 800 000
4.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	171 800 000
4.3.6	Số chi trong năm	140 270 800
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	140 270 800
	- Chi khác:...	
4.3.7	Số dư cuối năm	31 529 200

4.3	Hỗ trợ cơ sở vật chất điện nước	
4.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	
4.3.2	Mức thu....	30.000 đồng/HS/tháng
4.3.3	Tổng số thu trong năm	218 220 000
4.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	218 220 000
4.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	218 220 000
4.3.6	Số chi trong năm	110 157 968
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	110 157 968
	- Chi khác:...	
4.3.7	Số dư cuối năm	108 062 032
5.1	Kỹ năng sống	
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	1 910 556
5.1.2	Mức thu....	48.000đ/tháng
5.1.3	Tổng số thu trong năm	
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	196 370 556
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	195 995 556
5.1.6	Số chi trong năm	152 454 000
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	136 122 000
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất, phúc lợi	375 000
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	15 957 000
	- Chi khác:...	
5.1.7	Số dư cuối năm	43 916 556
5.2	Tiếng Anh tự chọn	
5.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	1 182 710
5.2.2	Mức thu....	- Tiếng anh tự chọn: 80.000đ/tháng
5.2.3	Tổng số thu trong năm	619 042 000
5.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	620 224 710
5.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	616 524 921
5.2.6	Số chi trong năm	561 447 489
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	433 329 400
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất, phúc lợi	35 261 789
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	92 856 300
	- Chi khác:...	
5.2.7	Số dư cuối năm	58 777 221
5.3	Tiếng Anh cơ yếu tổ nước ngoài	
5.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	
5.3.2	Mức thu....	- Tiếng Anh yếu tổ nước ngoài
5.3.3	Tổng số thu trong năm	389 720 000
5.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	389 720 000
5.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	389 720 000
5.3.6	Số chi trong năm	331 262 000

	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	272 804 000
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất, phúc lợi	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	58 458 000
	- Chi khác:...	
5.3.7	Số dư cuối năm	58 458 000
5.4	Tin học	
5.4.1	Số dư năm trước chuyển sang	10 730 684
5.4.2	Mức thu....	80.000đ/tháng
5.4.3	Tổng số thu trong năm	346 600 000
5.4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	357 330 684
5.4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	356 000 648
5.4.6	Số chi trong năm	306 532 188
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	242 614 000
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	51 990 000
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất, phúc lợi	11 928 188
	- Chi khác:...	
5.4.7	Số dư cuối năm	50 798 496
5.5	Toán tư duy	
5.5.1	Số dư năm trước chuyển sang	
5.5.2	Mức thu....	48.000đ/tháng
5.5.3	Tổng số thu trong năm	61 356 000
5.5.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	61 356 000
5.5.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	61 356 000
5.5.6	Số chi trong năm	52 152 600
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	42 949 200
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	9 203 400
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất, phúc lợi	
	- Chi khác:...	
5.5.7	Số dư cuối năm	9 203 400
6	kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội	
6.1	Kế hoạch nhỏ	
6.1.1	Số học sinh	
6.1.2	Mức thu:.....	
	Số dư năm trước chuyển sang	31 341 750
6.1.3	Tổng thu	18 000 000
6.1.4	Đã chi	37 038 000
6.1.5	Dư	12 303 750
6.3	Bảo hiểm y tế học sinh	
6.3.1	Số học sinh	1 528
6.3.2	Mức thu:.....	-15 tháng mức thu: 704.025đ/hs tổng: 178hs

		- 14 tháng mức thu: 657.090đ/hs tổng: 27hs - 13 tháng mức thu: 610.155đ tổng: 23hs - 12 tháng mức thu: 563.220đ/hs tổng: 1.249hs
6.3.3	Tổng thu	875 196 945
6.3.4	Đã chi	875 196 945
6.3.5	Dư	0
6.4	Nước uống học sinh	
6.4.1	Số học sinh	kỳ I: 1.500hs x 10.000đ x 5 tháng kỳ II: 1.501 x 10.000đ x 4 tháng
6.4.2	Mức thu:.....	10.000đ/tháng
6.4.3	Số dư năm trước chuyển sang	50 487 666
6.4.3	Tổng thu	135 040 000
6.5.4	Đã chi	98 550 892
6.6.5	Dư	86 976 716
6.8	Ăn bán trú	
6.8.1	Số học sinh	642
6.8.2	Mức thu:.....	30.000đ/ngày
6.4.3	Số dư năm trước chuyển sang	590
6.8.3	Tổng thu	2 856 240 000
6.8.4	Đã chi	2 855 740 915
6.8.5	Dư	499 675
6.11	Y tế	
6.11.1	Số học sinh	
6.11.2	Mức thu:.....	
6.11.3	Số dư năm trước chuyển sang	19 788 954
6.11.4	Tổng thu	62 038 013
6.11.5	Đã chi	47 595 000
6.11.6	Dư	34 231 967
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
1.1	Kinh phí nghiệp vụ thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác:....	
1.2	Kinh phí nghiệp vụ không thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác:....	
2	Chi quản lý hành chính	
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	

	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác:....	
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác:....	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Học phí (nếu có)	
2	Học nghề	
3	Học Tiếng Anh	
4	Học kỹ năng sống	
5	Trông giữ xe đạp	
6	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
I	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác:....	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác:....	
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6 301 351 867
	Chi thanh toán cá nhân	13 123 991
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	205 394 730
	Chi mua sắm sửa chữa	592 920 487
	Chi khác:....	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	5 550 000
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	272 400 000
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	903630000
	Chi khác:....	3 700 000

HÀ
G
100
LÊ M
Đ

II	Nguồn viện trợ	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
	
C	MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG	
1	Mức thu nhập của CBQL	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	
2	Mức thu nhập của giáo viên	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	
D	MỨC CHI CHO HỌC SINH	
1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)	
2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)	

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ và tên)



Nguyễn Thị Minh Tâm

Quận Lê Chân., ngày 18... tháng 7... năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



Đỗ Thị Thanh Vân

THÔNG BÁO
Báo cáo quyết toán kinh phí năm 2022

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ		
I	Số thu phí, lệ phí		
1	Học phí (nếu có)		
1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
1.2	Mức thu....		
1.3	Tổng số thu trong năm		
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng		
1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó:- Bổ sung chi lương		
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất		
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn		
	- Chi khác:...		
1.7	Số dư cuối năm		
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT)		
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có) (Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)		
2.1		
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
2.1.2	Mức thu....		
2.1.3	Tổng số thu trong năm		
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng		
2.1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Cho công tác quản lý, chi đạo		
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:...		
2.1.7	Số dư cuối năm		
		
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: Chi tiết theo từng công trình, dự án)		
3.1	...		
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
3.1.2	Tổng số thu trong năm		
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng		



	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	140 270 800	
	- Chi khác:...		
4.3.7	Số dư cuối năm	31 529 200	
4.4	Hỗ trợ cơ sở vật chất điện nước		
4.4.1	Số dư năm trước chuyển sang		
4.4.2	Mức thu....	30.000 đồng/HS/tháng	
4.4.3	Tổng số thu trong năm	218 220 000	
4.4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	218 220 000	
4.4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	218 220 000	
4.4.6	Số chi trong năm	110 157 968	
	Trong đó: - Chi cho người tham gia		
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	110 157 968	
	- Chi khác:...		
4.4.7	Số dư cuối năm	108 062 032	
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học. (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)		
5.1	Kỹ năng sống		
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	1 910 556	
5.1.2	Mức thu....	48.000d/tháng	
5.1.3	Tổng số thu trong năm	194 460 000	
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	196 370 556	
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	195 995 556	
5.1.6	Số chi trong năm	152 454 000	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	136 122 000	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất, phúc lợi	375 000	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	15 957 000	
	- Chi khác:...		
5.1.7	Số dư cuối năm	43 916 556	
5.2	Tiếng Anh tăng cường		
5.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	1 182 710	
5.2.2	Mức thu....	chọn: 80.000d/tháng	
5.2.3	Tổng số thu trong năm	619 042 000	
5.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	620 224 710	
5.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	616 524 921	
5.2.6	Số chi trong năm	561 447 489	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	433 329 400	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất, phúc lợi	35 261 789	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	92 856 300	
	- Chi khác:...		

5.2.7	Số dư cuối năm	58 777 221	
5.3	Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài		
5.3.1	Số dư năm trước chuyển sang		
5.3.2	Mức thu....	160.000đ/tháng	
5.3.3	Tổng số thu trong năm	389 720 000	
5.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	389 720 000	
5.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	389 720 000	
5.3.6	Số chi trong năm	331 262 000	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	272 804 000	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất, phúc lợi		
	- Chi công tác quản lý, chi đạo	58 458 000	
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:...		
5.3.7	Số dư cuối năm	58 458 000	
5.4	Tin học		
5.4.1	Số dư năm trước chuyển sang	10 730 684	
5.4.2	Mức thu....	80.000đ/tháng	
5.4.3	Tổng số thu trong năm	346 600 000	
5.4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	357 330 684	
5.4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	356 000 648	
5.4.6	Số chi trong năm	306 532 188	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	242 614 000	
	- Chi công tác quản lý, chi đạo	51 990 000	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất, phúc lợi	11 928 188	
	- Chi khác:...		
5.4.7	Số dư cuối năm	50 798 496	
6	Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn đội, đồng phục, sách vở,... (Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)		
6.1	Kế hoạch nhỏ		
6.1.1	Số học sinh		
6.1.2	Mức thu:.....		
6.1.3	Số dư năm trước chuyển sang	31 341 750	
6.1.4	Tổng thu	18 000 000	
6.1.5	Đã chi	37 038 000	
6.1.6	Dư	12 303 750	
6.2	Khuyến học		
6.2.1	Số học sinh		
6.2.2	Mức thu:.....		
6.2.3	Tổng thu		
6.2.4	Đã chi		
6.2.5	Dư		
6.3	Y tế		

27/10/2011

6.3.1	Mức thu:.....	-15 tháng mức thu: 704.025đ/hs tổng: 178hs - 14 tháng mức thu: 657.090đ/hs tổng: 27hs -13 tháng mức thu: 610.155đ tổng: 23hs - 12 tháng mức thu: 563.220đ/hs tổng: 1.249hs	
6.3.2	Tổng thu	875 196 945	
6.3.3	Đã chi	875 196 945	
6.3.4	Dư	0	
6.4	Bảo trợ trẻ em		
6.4.1	Số học sinh		
6.4.2	Mức thu:.....		
6.4.3	Tổng thu		
6.4.4	Đã chi		
6.4.5	Dư		
6.5	In sao đề kiểm tra		
6.5.1	Số học sinh		
6.5.2	Mức thu:.....		
6.5.3	Tổng thu		
6.5.4	Đã chi		
6.5.5	Dư		
6.6	Hội phụ huynh		
6.6.1	Số học sinh		
6.6.2	Mức thu:.....		
6.6.3	Tổng thu		
6.6.4	Đã chi		
6.6.5	Dư		
6.7	Lợn siêu trọng		
6.7.1	Số học sinh		
6.7.2	Mức thu:.....		
6.7.3	Tổng thu		
6.7.4	Đã chi		
6.7.5	Dư		
6.8	Nước uống học sinh		
6.8.1	Số học sinh	kỳ I: 1.500hs x 10.000đ x 5 tháng kỳ II: 1.501 x 10.000đ x 4 tháng	
6.8.2	Mức thu:.....	10.000đ/tháng	
6.8.3	Số dư năm trước chuyển sang	50 487 666	
6.8.4	Tổng thu	135 040 000	
6.8.5	Đã chi	98 550 892	
	Dư	86976774	
6.9	Ăn bán trú		
6.9.1	Số học sinh		642



6.9.2	Mức thu:.....	30.000d/ngày	
6.9.3	Số dư năm trước chuyển sang		590
6.9.4	Tổng thu		2 856 240 000
6.9.5	Đã chi		2 855 740 915
6.9.6	Dư		499 675
B	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH		
1	Ngân sách nhà nước		
1.1	Ngân sách chi thường xuyên		
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang		
	- Dự toán được giao trong năm		
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm		7 325 000 000
	+ Dự toán bổ sung trong năm		973 071 075
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm		8 298 071 075
	- Kinh phí quyết toán		8 298 071 075
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc		
1.2	Ngân sách chi không thường xuyên		
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang		
	- Dự toán được giao trong năm		
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm		
	+ Dự toán bổ sung trong năm		6 925 000 000
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm		6 925 000 000
	- Kinh phí quyết toán		6 925 000 000
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc		
2	Tình hình thực hiện kiến nghị của cơ quan Kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính		
	Tổng số kinh phí phải nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí đã nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí còn phải nộp		
C	NỘI DUNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (Nếu có: chi tiết từng nguồn)		
1	Học phí		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ"...."		
	+ Quỹ"...."		
	+ Quỹ"...."		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
2	Học thêm		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		



	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ"...."		
	+ Quỹ"...."		
	+ Quỹ"...."		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
3		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ"...."		
	+ Quỹ"...."		
	+ Quỹ"...."		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
D	MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG		
1	Mức thu nhập của CBQL		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	151 427 721	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	140 407 253	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	129 386 784	
2	Mức thu nhập của giáo viên		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	151 427 721	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	99 186 527	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	46 945 332	
E	MỨC CHI CHO HỌC SINH		
1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)		
2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)	763.216	

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ và tên)



Nguyễn Thị Minh Tâm

Quận Lê Chân, ngày 18. tháng 7... năm 2023

HIỆU TRƯỞNG
TRỤYỀN và đóng dấu)
TIỂU HỌC
VĨNH NIỆM
Đỗ Thị Thanh Vân



QUYẾT TOÁN THU - CHI NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 55./QĐ-THTH ngày 18.7.2023 của Trường tiểu học Vĩnh Niệm)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu báo cáo quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
1	2	3	4	5=4+3	6
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢ NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ				
1	Số thu phí, lệ phí				
1	Học phí (nếu có)				
1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
1.2	Mức thu....				
1.3	Tổng số thu trong năm				
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng				
1.6	Số chi trong năm				
	Trong đó:- Bỏ sung chi lương				
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất				
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	- Chi khác:...				
1.7	Số dư cuối năm				
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT)				
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có) (Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)				
2.1				
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
2.1.2	Mức thu....				
2.1.3	Tổng số thu trong năm				
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng				
2.1.6	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học				
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất				
	- Cho công tác quản lý, chi đạo				
	- Chi phúc lợi				
	- Chi khác:...				
2.1.7	Số dư cuối năm				
				
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: Chi tiết theo từng công trình, dự án)				
3.1	...				
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
3.1.2	Tổng số thu trong năm				
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng				
3.1.5	Số chi trong năm				
	Trong đó: -				
	-				
3.1.6	Số dư cuối năm				
				

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu báo cáo quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
1	2	3	4	5=4+3	6
4	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú... (Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)				
4.1	Chăm nuôi bán trú				
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	21 289 186	21 289 186		
4.1.2	Mức thu....	150.000đ/tháng	150.000đ/tháng		
4.1.3	Tổng số thu trong năm	844 385 099	844 385 099		
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	865 674 285	865 674 285		
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	865 674 285	865 674 285		
4.1.6	Số chi trong năm	863 845 701	863 845 701		
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	843 975 000	843 975 000		
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước				
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	19 830 701	19 830 701		
	- Chi phúc lợi				
	- Chi khác:...	40 000	40 000		
4.1.7	Số dư cuối năm	1 828 584	1 828 584		
4.2	Quản lý học sinh ngoài giờ				
4.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	30 332 446	30 332 446		
4.2.2	Mức thu....	10.000 đồng/HS/giờ	10.000 đồng/HS/giờ		
4.2.3	Tổng số thu trong năm	938 099 331	938 099 331		
4.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	968 431 777	968 431 777		
4.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	965 217 784	965 217 784		
4.2.6	Số chi trong năm	920 796 436	920 796 436		
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	841 977 000	841 977 000		
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước				
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất, phúc lợi	78 819 436	78 819 436		
	- Chi khác:...				
4.2.7	Số dư cuối năm	47 635 341	47 635 341		
	Cơ sở vật chất bán trú				
4.3.1	Số dư năm trước chuyển sang				
4.3.2	Mức thu....	Đối với HS mới tuyển, trang bị lần đầu 360.000 đồng/HS/năm, các năm tiếp theo 200.000 đồng/HS/năm	Đối với HS mới tuyển, trang bị lần đầu 360.000 đồng/HS/năm, các năm tiếp theo 200.000 đồng/HS/năm		
4.3.3	Tổng số thu trong năm	171 800 000	171 800 000		
4.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	171 800 000	171 800 000		
4.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	171 800 000	171 800 000		
4.3.6	Số chi trong năm	140 270 800	140 270 800		
	Trong đó: - Chi cho người tham gia				
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước				
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	140 270 800	140 270 800		
	- Chi khác:...				
4.3.7	Số dư cuối năm	31 529 200	31 529 200		
4.4	Hỗ trợ cơ sở vật chất điện nước				
4.4.1	Số dư năm trước chuyển sang				
4.4.2	Mức thu....	30.000 đồng/HS/tháng	30.000 đồng/HS/tháng		
4.4.3	Tổng số thu trong năm	218 220 000	218 220 000		

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu báo cáo quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
1	2	3	4	5=4+3	6
4.4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	218 220 000	218 220 000		
4.4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	218 220 000	218 220 000		
4.4.6	Số chi trong năm	110 157 968	110 157 968		
	Trong đó: - Chi cho người tham gia				
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước				
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	110 157 968	110 157 968		
	- Chi khác:...				
4.4.7	Số dư cuối năm	108 062 032	108 062 032		
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học. (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)				
5.1	Kỹ năng sống				
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	1 910 556	1 910 556		
5.1.2	Mức thu....	48.000đ/tháng	48.000đ/tháng		
5.1.3	Tổng số thu trong năm				
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	196 370 556	196 370 556		
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	195 995 556	195 995 556		
5.1.6	Số chi trong năm	152 454 000	152 454 000		
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	136 122 000	136 122 000		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất, phúc lợi	375 000	375 000		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	15 957 000	15 957 000		
	- Chi khác:...				
	Số dư cuối năm	43 916 556	43 916 556		
5.2	Tiếng Anh tự chọn				
5.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	1 182 710	1 182 710		
5.2.2	Mức thu....	- Tiếng anh tự chọn: 80.000đ/tháng	- Tiếng anh tự chọn: 80.000đ/tháng		
5.2.3	Tổng số thu trong năm	619 042 000	619 042 000		
5.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	620 224 710	620 224 710		
5.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	616 524 921	616 524 921		
5.2.6	Số chi trong năm	561 447 489	561 447 489		
5.2.7	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	433 329 400	433 329 400		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất, phúc lợi	35 261 789	35 261 789		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	92 856 300	92 856 300		
	- Chi khác:...				
	Số dư cuối năm	58 777 221	58 777 221		
5.2.8	Tiếng Anh có yếu tố nước ngoài				
5.3	Số dư năm trước chuyển sang				
5.3.1	Mức thu....	- Tiếng Anh yếu tố nước ngoài 160.000đ/tháng	- Tiếng Anh yếu tố nước ngoài 160.000đ/tháng		
5.3.2	Tổng số thu trong năm	389 720 000	389 720 000		
5.3.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	389 720 000	389 720 000		
5.3.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	389 720 000	389 720 000		
5.3.5	Số chi trong năm	331 262 000	331 262 000		
5.3.6	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	272 804 000	272 804 000		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất, phúc lợi				



TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu báo cáo quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
1	2	3	4	5=4+3	6
		-15 tháng mức thu: 704.025đ/hs tổng: 178hs - 14 tháng mức thu: 657.090đ/hs tổng: 27hs -13 tháng mức thu: 610.155đ tổng: 23hs - 12 tháng mức thu: 563.220đ/hs tổng: 1.249hs	-15 tháng mức thu: 704.025đ/hs tổng: 178hs - 14 tháng mức thu: 657.090đ/hs tổng: 27hs -13 tháng mức thu: 610.155đ tổng: 23hs - 12 tháng mức thu: 563.220đ/hs tổng: 1.249hs		
6.3.2	Mức thu:.....				
6.3.3	Tổng thu	875 196 945	875 196 945		
6.3.4	Đã chi	875 196 945	875 196 945		
6.3.5	Dư	0	0		
6.4	In sao để kiểm tra				
6.4.1	Số học sinh				
	Mức thu:.....				
6.4.2					
6.4.3	Tổng thu				
6.4.4	Đã chi				
6.4.5	Dư				
6.5	Hội phụ huynh				
6.5.1	Số học sinh				
6.5.2	Mức thu:.....				
6.5.3	Tổng thu				
6.5.4	Đã chi				
6.5.5	Dư				
6.6	Lợn siêu trọng				
6.6.1	Số học sinh				
6.6.2	Mức thu:.....				
6.6.3	Số dư năm trước chuyển sang				
6.6.4	Tổng thu				
6.6.5	Đã chi				
6.7	Dư				
6.7.1	Nước uống học sinh				
		kỳ I: 1.500hs x 10.000đ x 5 tháng kỳ II: 1.501 x 10.000đ x 4 tháng	kỳ I: 1.500hs x 10.000đ x 5 tháng kỳ II: 1.501 x 10.000đ x 4 tháng		
6.7.2	Số học sinh				
6.7.3	Mức thu:.....	10.000đ/tháng	10.000đ/tháng		
6.7.4	Số dư năm trước chuyển sang	50 487 666	50 487 666		
6.7.5	Tổng thu	135 040 000	135 040 000		
6.7.6	Đã chi	98 550 892	98 550 892		
6.7.7	Dư	86 976 774	86 976 774		
6.8	Ăn bán trú				
6.8.1	Số học sinh	642	642		
6.8.2	Mức thu:.....	30.000đ/ngày	30.000đ/ngày		
6.8.3	Số dư năm trước chuyển sang	590	590		
6.8.4	Tổng thu	2 856 240 000	2 856 240 000		
6.8.5	Đã chi	2 855 740 915	2 855 740 915		
6.8.6	Dư	499 675	499 675		



TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu báo cáo quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
1	2	3	4	5=4+3	6
6.9	Y tế				
6.9.1	Số học sinh				
6.9.2	Mức thu:.....				
6.9.3	Số dư năm trước chuyển sang	19 788 954	19 788 954		
6.9.4	Tổng thu	62 038 013	62 038 013		
6.9.5	Đã chi	47 595 000	47 595 000		
6.9.6	Dư	34 231 967	34 231 967		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
1.1	Kinh phí nghiệp vụ thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân	6 301 351 867	6 301 351 867		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	13 123 991	13 123 991		
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa	205 394 730	205 394 730		
	Chi khác:....	592 920 487	592 920 487		
1.2	Kinh phí nghiệp vụ không thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân	5 550 000	5 550 000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	272 400 000	272 400 000		
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa	903 630 000	903 630 000		
	Chi khác:....	3 700 000	3 700 000		
2	Chi quản lý hành chính				
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác:....				
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác:....				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Học phí				
2	Học nghề				
3	Học Tiếng Anh				
4	Học kỹ năng sống				
5	Trông giữ xe đạp				
6				
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác:....				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				



TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu báo cáo quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
1	2	3	4	5=4+3	6
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác:....				
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác:....				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác:....				
II	Nguồn viện trợ				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ và tên)



Nguyễn Thị Minh Tâm

Quận Lê Chân., ngày .18...tháng...7.....năm 2023



HIỆU TRƯỞNG
(Ký, tên và đóng dấu)

Đỗ Thị Thanh Vân

DỰ TOÁN THU - CHI NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 55/QĐ-THTHĐ ngày 18/7/2023 của Trường tiểu học Vĩnh Niệm)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán
1	2	3
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Học phí (nếu có)	
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
1.2	Mức thu....	
1.3	Tổng số thu trong năm	
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	
1.6	Số chi trong năm	
	Trong đó:- Bổ sung chi lương	
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	- Chi khác:...	
1.7	Số dư cuối năm	
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT)	
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có) (Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
2.1	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
2.1.2	Mức thu....	
2.1.3	Tổng số thu trong năm	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	
2.1.6	Số chi trong năm	
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Cho công tác quản lý, chi đạo	
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác:...	
2.1.7	Số dư cuối năm	
	
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: Chi tiết theo từng công trình, dự án)	
3.1	...	
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
3.1.2	Tổng số thu trong năm	
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	
3.1.5	Số chi trong năm	
	Trong đó: -	
	-	
	-	



4.4.2	Mức thu....	30.000 đồng/HS/tháng
4.4.3	Tổng số thu trong năm	218 220 000
4.4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	218 220 000
4.4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	218 220 000
4.4.6	Số chi trong năm	110 157 968
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	110 157 968
	- Chi khác:...	
4.4.7	Số dư cuối năm	108 062 032
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học. (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
5.1	Kỹ năng sống	
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	1 910 556
5.1.2	Mức thu....	48.000đ/tháng
5.1.3	Tổng số thu trong năm	194 460 000
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	196 370 556
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	195 995 556
5.1.6	Số chi trong năm	152 454 000
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	136 122 000
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất, phúc lợi	375 000
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	15 957 000
	- Chi khác:...	
5.1.7	Số dư cuối năm	43 916 556
5.2	Tiếng Anh tự chọn	
5.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	1 182 710
5.2.2	Mức thu....	- Tiếng anh tự chọn: 80.000đ/tháng
5.2.3	Tổng số thu trong năm	619 042 000
5.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	620 224 710
5.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	616 524 921
5.2.6	Số chi trong năm	561 447 489
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	433 329 400
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất, phúc lợi	35 261 789
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	92 856 300
	- Chi khác:...	
5.2.7	Số dư cuối năm	58 777 221
5.3	Tiếng Anh có yếu tố nước ngoài	
5.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	
5.3.2	Mức thu....	160.000đ/tháng
5.3.3	Tổng số thu trong năm	389 720 000
5.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	389 720 000
5.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	389 720 000
5.3.6	Số chi trong năm	331 262 000

	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	272 804 000
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất, phúc lợi	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	58 458 000
	- Chi phúc lợi	
5.3.7	Số dư cuối năm	58 458 000
5.4	Tin học	
5.4.1	Số dư năm trước chuyển sang	10 730 684
5.4.2	Mức thu....	80.000đ/tháng
5.4.3	Tổng số thu trong năm	346 600 000
5.4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	357 330 684
5.4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	356 000 648
5.4.6	Số chi trong năm	306 532 188
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	242 614 000
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	51 990 000
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất, phúc lợi	11 928 188
	- Chi khác:...	
5.4.7	Số dư cuối năm	50 798 496
5.5	Tiếng Nhật	
5.5.1	Số dư năm trước chuyển sang	
5.5.2	Mức thu....	
5.5.3	Tổng số thu trong năm	
5.5.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
5.5.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	
5.5.6	Số chi trong năm	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác:...	
5.5.7	Số dư cuối năm	
5.6	Toán tư duy	
5.6.1+	Số dư năm trước chuyển sang	
5.6.2	Mức thu....	48.000đ/tháng
5.6.3	Tổng số thu trong năm	61 356 000
5.6.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	61 356 000
5.6.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	61 356 000
5.6.6	Số chi trong năm	52 152 600
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	42 949 200
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	9 203 400
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất, phúc lợi	
	- Chi khác:...	
5.6.7	Số dư cuối năm	9 203 400
6	Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn đội, đồng phục, sách vở,... (Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
6.1	Kế hoạch nhỏ	
6.1.1	Số học sinh	
6.1.2	Mức thu:.....	

6.1.3	Số dư năm trước chuyển sang	31 341 750
6.1.4	Tổng thu	18 000 000
6.1.5	Đã chi	37 038 000
6.1.6	Dư	12 303 750
6.2	Khuyến học	
6.2.1	Số học sinh	
6.2.2	Mức thu:.....	
6.2.3	Tổng thu	
6.2.4	Đã chi	
6.2.5	Dư	
6.3	Y tế	
6.3.1	Số học sinh	
6.3.2	Mức thu:.....	-15 tháng mức thu: 704.025đ/hs tổng: 178hs - 14 tháng mức thu: 657.090đ/hs tổng: 27hs -13 tháng mức thu: 610.155đ tổng: 23hs - 12 tháng mức thu: 563.220đ/hs tổng: 1.249hs
6.3.3	Tổng thu	875 196 945
6.3.4	Đã chi	875 196 945
6.3.5	Dư	0
6.4	In sao đề kiểm tra	
6.4.1	Số học sinh	
6.4.2	Mức thu:.....	
6.4.3	Tổng thu	
6.4.4	Đã chi	
6.4.5	Dư	
6.5	Hội phụ huynh (không thu)	
6.5.1	Số học sinh	
6.5.2	Mức thu:.....	
6.5.3	Tổng thu	
6.5.4	Đã chi	
6.5.5	Dư	
6.6	Lợn siêu trọng	
6.6.1	Số học sinh	
6.6.2	Mức thu:.....	
6.6.3	Tổng thu	
6.6.4	Đã chi	
6.6.5	Dư	
6.7	Nước uống học sinh	



H
N
D.

6.7.1	Số học sinh	kỳ I: 1.500hs x 10.000d x 5 tháng kỳ II: 1.501 x 10.000d x 4 tháng
6.7.2	Mức thu:.....	10.000d/tháng
6.7.3	Số dư năm trước chuyển sang	50 487 666
6.7.4	Tổng thu	135 040 000
6.7.5	Đã chi	98 550 892
6.7.6	Dư	86976774
6.8	Ăn bán trú	
6.8.1	Số học sinh	642
6.8.2	Mức thu:.....	30.000d/ngày
6.8.3	Số dư năm trước chuyển sang	590
6.8.4	Tổng thu	2 856 240 000
6.8.5	Đã chi	2 855 740 915
6.8.6	Dư	499675
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
1.1	Kinh phí nghiệp vụ thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác:.....	
1.2	Kinh phí nghiệp vụ không thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác:.....	
2	Chi quản lý hành chính	
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác:.....	
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác:.....	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Học phí (nếu có)	
2	Học nghề	
3	Học Tiếng Anh	
4	Học kỹ năng sống	
5	Trông giữ xe đạp	
6	

B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
I	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác:....	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác:....	
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7 112 791 075
	Chi thanh toán cá nhân	6 301 351 867
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	13 123 991
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	205 394 730
	Chi khác:....	592 920 487
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1 185 280 000
	Chi thanh toán cá nhân	5 550 000
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	272 400 000
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	903 630 000
	Chi khác:....	3 700 000
II	Nguồn viện trợ	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
	
C	MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG	
1	Mức thu nhập của CBQL	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	
2	Mức thu nhập của giáo viên	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	
D	MỨC CHI CHO HỌC SINH	

1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)	
2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)	

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ và tên)



Nguyễn Thị Minh Tâm

Quận Lê Chân, ngày 18 tháng 7 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

Đỗ Thị Thanh Vân

T.P. HẢI PHÒNG

THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 55./QĐ-THTHĐ ngày 18.1.7.../2023 của Trường tiểu học Vĩnh Niệm)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2022	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm 2022/dự toán năm (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ				
1	Số thu phí, lệ phí				
1	Học phí (nếu có)				
1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
1.2	Mức thu....				
1.3	Tổng số thu trong năm				
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng				
1.6	Số chi trong năm				
	Trong đó:- Bỏ sung chi lương				
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất				
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	- Chi khác:...				
1.7	Số dư cuối năm				
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT)				
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có) (Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)				
2.1				
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
2.1.2	Mức thu....				
2.1.3	Tổng số thu trong năm				
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng				
2.1.6	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học				
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất				
	- Cho công tác quản lý, chỉ đạo				
	- Chi phúc lợi				
	- Chi khác:...				
2.1.7	Số dư cuối năm				
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: Chi tiết theo từng công trình, dự án)				
3.1	...				
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
3.1.2	Tổng số thu trong năm				
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng				
3.1.5	Số chi trong năm				
	Trong đó: -				



TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2022	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm 2022/dự toán năm (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	-				
	-				
3.1.6	Số dư cuối năm				
4	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú...(Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)				
4.1	Chăm nuôi bán trú				
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	21 289 186	21 289 186		
4.1.2	Mức thu....	150.000đ/tháng	150.000đ/tháng		
4.1.3	Tổng số thu trong năm	844 385 099	844 385 099	100%	100%
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	865 674 285	865 674 285	100%	100%
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	865 674 285	865 674 285	100%	100%
4.1.6	Số chi trong năm	863 845 701	863 845 701	100%	100%
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	843 975 000	843 975 000	100%	100%
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước				
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	19 830 701	19 830 701	100%	100%
	- Chi phúc lợi			100%	100%
	- Chi khác:...	40 000	40 000	100%	100%
4.1.7	Số dư cuối năm	1 828 584	1 828 584		
4.2	Quản lý học sinh cuối buổi				
4.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	30 332 446	30 332 446		
4.2.2	Mức thu....	10.000 đồng/HS/giờ	10.000 đồng/HS/giờ		
4.2.3	Tổng số thu trong năm	938 099 331	938 099 331	100%	100%
4.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	968 431 777	968 431 777	100%	100%
4.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	965 217 784	965 217 784	100%	100%
4.2.6	Số chi trong năm	920 796 436	920 796 436	100%	100%
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	841 977 000	841 977 000	100%	100%
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước				
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	78 819 436	78 819 436	100%	100%
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất, phúc lợi			100%	100%
4.2.7	Số dư cuối năm	47 635 341	47 635 341		
4.3	Cơ sở vật chất bán trú				
4.3.1	Số dư năm trước chuyển sang				
		Đối với HS mới tuyển, trang bị lần đầu 360.000 đồng/HS/năm, các năm tiếp theo 200.000 đồng/HS/năm	Đối với HS mới tuyển, trang bị lần đầu 360.000 đồng/HS/năm, các năm tiếp theo 200.000 đồng/HS/năm		
4.3.2	Mức thu....				
4.3.3	Tổng số thu trong năm	171 800 000	171 800 000	100%	100%
4.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	171 800 000	171 800 000	100%	100%
4.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	171 800 000	171 800 000	100%	100%
4.3.6	Số chi trong năm	140 270 800	140 270 800	100%	100%
	Trong đó: - Chi cho người tham gia			100%	100%

Q.L. 1
 RUC
 EU
 NH

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2022	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm 2022/dự toán năm (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước			100%	100%
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	140 270 800	140 270 800	100%	100%
	- Chi khác:...			100%	100%
4.3.7	Số dư cuối năm	31 529 200	31 529 200		
4.4	Hỗ trợ cơ sở vật chất điện nước				
4.4.1	Số dư năm trước chuyển sang				
4.4.2	Mức thu....	30.000	30.000 đồng/HS/tháng		
4.4.3	Tổng số thu trong năm	218 220 000	218 220 000	100%	100%
4.4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	218 220 000	218 220 000	100%	100%
4.4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	218 220 000	218 220 000	100%	100%
4.4.6	Số chi trong năm	110 157 968	110 157 968	100%	100%
	Trong đó: - Chi cho người tham gia			100%	100%
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước			100%	100%
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	110 157 968	110 157 968	100%	100%
	- Chi khác:...			100%	100%
4.4.7	Số dư cuối năm	108 062 032	108 062 032		
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học. (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)				
5.1	Kỹ năng sống				
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	1 910 556	1 910 556		
5.1.2	Mức thu....	48.000đ/tháng	48.000đ/tháng		
5.1.3	Tổng số thu trong năm	194 460 000	194 460 000	100%	100%
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	196 370 556	196 370 556	100%	100%
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	195 995 556	195 995 556	100%	100%
5.1.6	Số chi trong năm	152 454 000	152 454 000	100%	100%
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	136 122 000	136 122 000	100%	100%
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất, phúc lợi	375 000	375 000	100%	100%
	- Chi công tác quản lý, chi đạo	15 957 000	15 957 000	100%	100%
	- Chi khác:...				
5.1.7	Số dư cuối năm	43 916 556	43 916 556		
5.2	Tiếng Anh tăng cường				
5.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	1 182 710	1 182 710		
5.2.2	Mức thu....	- Tiếng anh tự chọn: 80.000đ/tháng	- Tiếng anh tự chọn: 80.000đ/tháng		
5.2.3	Tổng số thu trong năm	619 042 000	619 042 000	100%	100%
5.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	620 224 710	620 224 710	100%	100%
5.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	616 524 921	616 524 921	100%	100%
5.2.6	Số chi trong năm	561 447 489	561 447 489	100%	100%
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy..	433 329 400	433 329 400	100%	100%
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất, phúc lợi	35 261 789	35 261 789	100%	100%
	- Chi công tác quản lý, chi đạo	92 856 300	92 856 300	100%	100%
	- Chi khác:...				
5.2.7	Số dư cuối năm	58 777 221	58 777 221		

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2022	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm 2022/dự toán năm (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
5.3	Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài				
5.3.1	Số dư năm trước chuyển sang				
5.3.2	Mức thu....	160.000d/tháng	160.000d/tháng		
5.3.3	Tổng số thu trong năm	389 720 000	389 720 000	100%	100%
5.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	389 720 000	389 720 000	100%	100%
5.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	389 720 000	389 720 000	100%	100%
5.3.6	Số chi trong năm	331 262 000	331 262 000	100%	100%
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy..	272 804 000	272 804 000	100%	100%
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất, phúc lợi			100%	100%
	- Chi công tác quản lý, chi đạo	58 458 000	58 458 000	100%	100%
	- Chi phúc lợi				
5.3.7	Số dư cuối năm	58 458 000	58 458 000		
5.4	Tin học				
5.4.1	Số dư năm trước chuyển sang	10 730 684	10 730 684		
5.4.2	Mức thu....	80.000d/tháng	80.000d/tháng		
5.4.3	Tổng số thu trong năm	346 600 000	346 600 000	100%	100%
5.4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	357 330 684	357 330 684	100%	100%
5.4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	356 000 648	356 000 648	100%	100%
5.4.6	Số chi trong năm	306 532 188	306 532 188	100%	100%
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy..	242 614 000	242 614 000	100%	100%
	- Chi công tác quản lý, chi đạo	51 990 000	51 990 000	100%	100%
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất, phúc lợi	11 928 188	11 928 188	100%	100%
	- Chi khác:...				
5.4.7	Số dư cuối năm	50 798 496	50 798 496		
5.5	Toán tư duy				
5.5.1	Số dư năm trước chuyển sang				
5.5.2	Mức thu....	48.000d/tháng	48.000d/tháng		
5.5.3	Tổng số thu trong năm	61 356 000	61 356 000	100%	100%
5.5.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	61 356 000	61 356 000	100%	100%
5.5.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	61 356 000	61 356 000	100%	100%
5.5.6	Số chi trong năm	52 152 600	52 152 600	100%	100%
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	42 949 200	42 949 200	100%	100%
	- Chi công tác quản lý, chi đạo	9 203 400	9 203 400	100%	100%
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất, phúc lợi				
	- Chi khác:...				
5.5.7	Số dư cuối năm	9 203 400	9 203 400		
5.6	Tin học				
5.6.1	Số dư năm trước chuyển sang	10 730 684	10 730 684		
5.6.2	Mức thu....	80.000d/tháng	80.000d/tháng		
5.6.3	Tổng số thu trong năm	346 600 000	346 600 000	100%	100%
5.6.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	357 330 684	357 330 684	100%	100%
5.6.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	356 000 648	356 000 648	100%	100%
5.6.6	Số chi trong năm	306 532 188	306 532 188	100%	100%
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	242 614 000	242 614 000	100%	100%
	- Chi công tác quản lý, chi đạo	51 990 000	51 990 000	100%	100%
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất, phúc lợi	11 928 188	11 928 188	100%	100%
	- Chi khác:...				

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2022	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm 2022/dự toán năm (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
5.6.7	Số dư cuối năm	50 798 496	50 798 496	100%	100%
6	Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn đội, đồng phục, sách vở,... (Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)				
6.1	Kế hoạch nhỏ				
6.1.1	Số học sinh				
6.1.2	Mức thu:.....				
6.1.3	Số dư năm trước chuyển sang	31 341 750	31 341 750	100%	100%
6.1.4	Tổng thu	18 000 000	18 000 000	100%	100%
6.1.5	Đã chi	37 038 000	37 038 000	100%	100%
	Dư	12 303 750	12 303 750		
6.2	Khuyến học				
6.2.1	Số học sinh				
6.2.2	Mức thu:.....				
6.2.3	Tổng thu				
6.2.4	Đã chi				
6.2.5	Dư				
6.3	Y tế				
6.3.1	Số học sinh	1 527	1 527		
6.3.2	Mức thu:.....	-15 tháng mức thu: 850.500d/hs tổng: 178hs - 14 tháng mức thu: 793.800d/hs tổng: 27hs -13 tháng mức thu: 737.100d tổng: 23hs - 12 tháng mức thu: 680.400d/hs tổng: 1.249hs	-15 tháng mức thu: 850.500d/hs tổng: 178hs - 14 tháng mức thu: 793.800d/hs tổng: 27hs -13 tháng mức thu: 737.100d tổng: 23hs - 12 tháng mức thu: 680.400d/hs tổng: 1.249hs		
6.3.3	Tổng thu	1 039 594 500	1 039 594 500	100%	100%
6.3.4	Đã chi	1 039 594 500	1 039 594 500	100%	100%
6.3.5	Dư	0	0		
6.4	In sao để kiểm tra				
6.4.1	Số học sinh				
6.4.2	Mức thu:.....				
6.4.3	Tổng thu				
6.4.4	Đã chi				
6.4.5	Dư				
6.5	Hội phụ huynh				
6.5.1	Số học sinh				
6.5.2	Mức thu:.....				
6.5.3	Tổng thu				
6.5.4	Đã chi				



PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2022	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm 2022/dự toán năm (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
6.5.5	Dư				
6.6	Lợn siêu trọng				
6.6.1	Số học sinh				
6.6.2	Mức thu:.....				
6.6.3	Tổng thu				
6.6.4	Đã chi				
6.6.5	Dư				
6.7	Nước uống học sinh				
6.7.1	Số học sinh	kỳ I: 1.500hs x 10.000đ x 5 tháng kỳ II: 1.501 x 10.000đ x 4 tháng	kỳ I: 1.500hs x 10.000đ x 5 tháng kỳ II: 1.501 x 10.000đ x 4 tháng		
6.7.2	Mức thu:.....	10.000đ/tháng	10.000đ/tháng		
6.7.3	Tổng thu	135 040 000	135 040 000	100%	100%
6.7.4	Đã chi	135 040 000	135 040 000	100%	100%
6.7.5	Dư	0	0		
6.8	Ăn bán trú				
6.8.1	Số học sinh	884	884		
6.8.2	Mức thu:.....	30.000đ/ngày	30.000đ/ngày		
6.8.3	Tổng thu	2 856 240 000	2 856 240 000	100%	100%
6.8.4	Đã chi	2 856 240 000	2 856 240 000	100%	100%
6.8.5	Dư	0	0		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
I	Chi sự nghiệp.....				
1.1	Kinh phí nghiệp vụ thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác:....				
1.2	Kinh phí nghiệp vụ không thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác:....				
2	Chi quản lý hành chính				
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác:....				
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2022	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm 2022/dự toán năm (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác:....				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Học phí				
2	Học nghề				
3	Học Tiếng Anh				
4	Học kỹ năng sống				
5	Trông giữ xe đạp				
6				
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				
I	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác:....				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác:....				
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7 112 791 075	7 112 791 075	100%	100%
	Chi thanh toán cá nhân	6 301 351 867	6 301 351 867	100%	100%
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	13 123 991	13 123 991	100%	100%
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa	205 394 730	205 394 730	100%	100%
	Chi khác:....	592 920 487	592 920 487	100%	100%
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1 185 280 000	1 185 280 000	100%	100%
	Chi thanh toán cá nhân	5 550 000	5 550 000	100%	100%
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	272 400 000	272 400 000	100%	100%
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa	903 630 000	903 630 000	100%	100%
	Chi khác:....	3 700 000	3 700 000	100%	100%
II	Nguồn viện trợ				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				



TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2022	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm 2022/dự toán năm (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				

Quận Lê Chân, ngày 18 tháng 7 năm 2023

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ và tên)



Nguyễn Thị Minh Tâm



HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

Đỗ Thị Thanh Vân

1/1